

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24/9/2020

“V/v Ly hôn giữa anh T và chị H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Kim Na Rinh

2. Bà Lê Hồng Gấm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 362/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐST-HN, ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp NC, xã T H, huyện C N, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Chị Lâm K H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp L B, xã L S, huyện C N, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H xác lập quan hệ hôn nhân năm 1996 không có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống anh và chị H có 04 con chung tên Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1996 và Huỳnh Thị Thanh T1, sinh năm 1998 đã thành niên, Huỳnh Thanh T2, sinh ngày 11/5/2003 chị H đang nuôi dưỡng và Huỳnh Thanh T3, sinh ngày 26/7/2006 anh T đang nuôi dưỡng, anh T cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã ly thân 2016 đến nay

tình cảm giữa vợ chồng không còn. Nay anh Tồng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lâm K H.

- Về con chung: Anh và chị H có 04 con chung tên Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1996 và Huỳnh Thị Thanh T1, sinh năm 1998 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Huỳnh Thanh T2, sinh ngày 11/5/2003 chị H đang nuôi dưỡng anh T đồng ý để chị H tiếp tục nuôi và Huỳnh Thanh T3, sinh ngày 26/7/2006 anh T đang nuôi anh yêu cầu được tiếp tục nuôi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Huỳnh Thanh T không tranh chấp, không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Lâm K H vắng mặt lần thứ nhất có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay cháu Huỳnh Thanh T2, sinh ngày 11/5/2003 Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Tại các bản khai, tại phiên tòa cháu Huỳnh Thanh T3, sinh ngày 26/7/2006 ý kiến: Trường hợp cha con Huỳnh Thanh T và mẹ con Lâm K H ly hôn với nhau con có nguyện vọng được sống chung với cha.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đều tổng đạt đầy đủ cho đương sự nhận theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, tuyên bố không công nhận anh T và chị H là vợ chồng, về con chung giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng con tên Huỳnh Thanh T3, sinh ngày 26/7/2006 theo yêu cầu của anh T và theo nguyện vọng của cháu T3 được sống với anh T, giao cháu Huỳnh Thanh T2, sinh ngày 11/5/2003 cho chị H được tiếp tục nuôi theo yêu cầu của chị H và theo nguyện vọng của cháu T2 được sống chung với chị H riêng cháu Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1996 và Huỳnh Thị Thanh T1, sinh năm 1998 đã thành niên anh T và chị H không yêu cầu nên không xem xét. Ngoài ra về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, số nợ phải thu, phải trả do anh T và chị H không khởi kiện, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, anh T được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Lâm K H có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và khoản 01 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Lâm K H theo luật định.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của anh Huỳnh Thanh T khởi kiện xin ly hôn với chị Lâm K H và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy anh T và chị H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, nhưng đến nay anh T và chị H không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ đó xác định đây là hôn nhân không hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa anh T và chị H tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh anh T và chị H đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến cuộc sống gia đình làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tòa án đã hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T và chị H không đoàn tụ được mạnh ai nấy sống không còn quan tâm với nhau. Tại bản tự khai và tại biên bản hoà giải ngày 03/9/2020 chị H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Mặt khác khi xác lập quan hệ hôn nhân, anh T và chị H có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng anh T và chị H không đăng ký kết hôn mà lại chung sống với nhau như vợ chồng là vi phạm Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 03 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 - Quốc hội khoá X nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt, còn anh T thì yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H, nghĩ nên tuyên bố không công nhận anh T và chị H là vợ chồng, là đúng quy định Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con tên: Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1996 và Huỳnh Thị Thanh T1, sinh năm 1998 đã thành niên anh T không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Và con chung tên Huỳnh Thanh T2, sinh ngày 11/5/2003 chị H đang nuôi dưỡng tại các bản khai, biên bản hòa giải ngày 03/9/2020 cháu T2 có nguyện vọng được sống với chị H đồng thời phù hợp với lời khai của chị H là yêu cầu được nuôi con tên Huỳnh Thanh T2, riêng cháu Huỳnh Thanh T3, sinh ngày 26/7/2006 anh T đang nuôi dưỡng tại phiên tòa hôm nay cháu Tấn có nguyện vọng được sống chung với anh T và anh T xin được quyền nuôi cháu T3 là phù hợp với nguyện vọng của con. Để cháu T2 và cháu T3 có cuộc sống và chỗ ở ổn định nhằm phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần. Hội đồng xét xử giao con tên Huỳnh Thanh T2 sinh ngày 11/5/2003 cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và giao con tên Huỳnh Thanh T3, sinh ngày 26/7/2006 cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do anh T không khởi kiện, không tranh chấp không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Anh T không khởi kiện, không tranh chấp, không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Anh T không tranh chấp không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Anh T được miễn nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39 Điều 147, Điều 227 và khoản 01 Điều 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 09, 14, 15, 51, 53, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Huỳnh Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Huỳnh Thanh T và chị Lâm K H là vợ chồng.

Về nuôi con:

- Anh Huỳnh Thanh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung tên Huỳnh Thanh T3, sinh ngày 26/7/2006.

- Chị Lâm K H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung tên Huỳnh Thanh T2 sinh ngày 11/5/2003.

Anh Huỳnh Thanh T và chị Lâm K H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị H không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Anh T không khởi kiện, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Anh T không tranh chấp, không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Anh Huỳnh Thanh T thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh Huỳnh Thanh T được miễn nộp tiền án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã T H,
- huyện C N, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

